

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC C SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị **A** – Sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn **D**, xã **E**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn :

Ông Đặng Văn **C** – Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 2, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Quách Văn **B** – Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn **G**, xã **H**, huyện **I**, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn HNGĐ năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị **A**, anh **B** là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các **C** sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có **C** sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lương Thị **A** – Sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn **D**, xã **E**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Quách Văn **B** – Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn **G**, xã **H**, huyện **I**, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các **C sự cụ thể như sau:**

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của Chị Lương Thị **A** và anh Quách Văn **B**.

Về con chung: Chị Lương Thị **A** trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quách Lương Ngọc – Sinh ngày 10/7/2011 là con chung của anh **B**, chị **A**. Anh **B** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh **B** có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh **B**, chị **A**.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- UBND xã **H**;
- VKSND huyện **I**;
- Các **C** sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc Lâm